

Nhà Bè, ngày 28 tháng 4 năm 2020

PHƯƠNG ÁN

Thực hiện Bộ Tiêu chí đánh giá an toàn trong phòng, chống dịch COVID-19 và công tác đảm bảo an toàn, chuẩn bị cho học sinh đi học lại.

Căn cứ Quyết định số 1371/QĐ-BCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020 của Ban Chỉ đạo Phòng chống COVID-19 Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Bộ tiêu chí đánh giá an toàn trong phòng, chống dịch COVID-19 đối với cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ văn bản số 1205/GDĐT-CTTT ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thực hiện Bộ Tiêu chí đánh giá an toàn trong phòng, chống dịch COVID-19 và công tác đảm bảo an toàn, chuẩn bị cho học sinh đi học lại.

Căn cứ văn bản số 275 /GDĐT ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè về hướng dẫn thực hiện Bộ Tiêu chí đánh giá an toàn trong phòng, chống dịch COVID-19 và công tác đảm bảo an toàn, chuẩn bị cho học sinh đi học lại.

Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường, Trường THCS Hiệp Phước xây dựng phương án. Thực hiện Bộ Tiêu chí đánh giá an toàn trong phòng, chống dịch COVID-19 và công tác đảm bảo an toàn, chuẩn bị cho học sinh đi học lại như sau:

1. Tiêu chí thành phần 1 (TP 1): số lượng học sinh, giáo viên, cán bộ, nhân viên tập trung tối đa trong một thời điểm tại cơ sở giáo dục phổ thông

- Phương án 1: Chỉ có học sinh khối 9 đi học trở lại.

+ Chia lớp học ra làm đôi, tổ chức $\frac{1}{2}$ lớp học buổi sáng và $\frac{1}{2}$ lớp học buổi chiều. Mỗi buổi học 5 tiết.

+ Tổng số học sinh buổi sáng: 121, buổi chiều: 120. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 63.

+ Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh buổi sáng: 184, buổi chiều: 183.

+ Giờ học buổi sáng bắt đầu lúc 7 giờ 00 phút. Buổi chiều lúc 13 giờ 00 phút.

- Phương án 2: Học sinh toàn trường đi học trở lại.

+ Chia lớp học ra làm đôi, tổ chức $\frac{1}{2}$ lớp học buổi sáng và $\frac{1}{2}$ lớp học buổi

chiều. Mỗi buổi học 5 tiết.

+ Tổng số học sinh buổi sáng K6: 173, K7: 146, K8: 138, K9: 121; buổi chiều: K6: 173, K7: 146, K8: 138, K9: 120. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 63.

+ Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh buổi sáng: 641, buổi chiều: 640.

+ Giờ học buổi sáng bắt đầu lúc 7 giờ 00 phút. Buổi chiều lúc 13 giờ 00 phút.

2. Tiêu chí thành phần 2 (TP 2): Mật độ học sinh, giáo viên, cán bộ, nhân viên tập trung trong phòng học, phòng làm việc.

+ Chia lớp học ra làm đôi, tổ chức $\frac{1}{2}$ lớp học buổi sáng và $\frac{1}{2}$ lớp học buổi chiều để giảm, giãn số học sinh trong phòng học.

+ Vị trí ngồi học tất cả học sinh hướng về phía bảng, bục giảng, không quay mặt vào nhau, tạm thời không tổ chức học và thảo luận theo nhóm. Học sinh ngồi theo kiểu ziczac, mỗi bàn chỉ có một học sinh học (đính kèm sơ đồ chỗ ngồi của học sinh trong phòng học).

+ Diện tích phòng học: 48 m². Mỗi phòng học không quá 24 học sinh. Bình quân mật độ 2 m²/ 1 người.

3. Tiêu chí thành phần 3 (TP 3): Khoảng cách học sinh, giáo viên, cán bộ, nhân viên ngoài phòng học, phòng làm việc.

+ Chia lớp học ra làm đôi, tổ chức $\frac{1}{2}$ lớp học buổi sáng và $\frac{1}{2}$ lớp học buổi chiều để giảm, giãn số học sinh trong phòng học.

+ Nhà trường phân công lực lượng giáo viên (3 giáo viên, 2 bảo vệ) trực ở khu vực cổng trường khi học sinh đến trường để nhắc nhở học sinh, đảm bảo giãn cách tối thiểu 1m.

+ Nhà trường phân công lực lượng giáo viên (3 giáo viên) trực trong phạm vi sân trường, ngoài phòng học, phòng làm việc để nhắc nhở học sinh, đảm bảo giãn cách tối thiểu 1m, không tập trung đông người, hạn chế tối đa việc di chuyển vào đầu giờ học.

+ Giáo viên trực thường xuyên thông báo nhắc nhở các học sinh giữ khoảng cách tối thiểu 1m.

+ Phòng làm việc thì cán bộ, giáo viên, nhân viên giữ khoảng cách giữa 2 người ít nhất 2 m.

+ Thực hiện giờ ra chơi, giờ rửa tay sau giờ chơi lệch ca nhau: $\frac{1}{2}$ số học sinh trong buổi ra chơi trước, $\frac{1}{2}$ số học sinh trong buổi ra chơi sau khi ca trước đã hết thời gian ra chơi và rửa tay sau giờ chơi đã vào lớp (đính kèm thời gian biểu, vị trí xếp hàng rửa tay của các lớp).

+ Phối hợp chính quyền địa phương, dân quân địa phương để thông tin đến phụ huynh học sinh giữ khoảng cách theo quy định (1 m) khi đến trường đón học sinh giờ ra về.

+ Khoảng cách học sinh, giáo viên, cán bộ, nhân viên ngoài phòng học, phòng làm việc bình quân từ 1,5m đến dưới 2m.

4. Tiêu chí thành phần 4 (TP 4): Học sinh, giáo viên, cán bộ, nhân viên thường xuyên rửa tay với xà phòng hoặc nước sát khuẩn trước khi vào lớp, có dụng cụ uống nước sạch riêng biệt cho mỗi người

Đề xuất trang bị vật tư y tế và vệ sinh phí gồm : đo nhiệt độ bắn trán hồng ngoại, giường, áo blouse, khẩu trang N95, khẩu trang y tế, nước rửa tay nhanh, xà phòng, javel, giấy lau tay, khăn lau bàn, xô, bao tay...

Mỗi lớp học được trang bị: 2 cái xô, 2 cặp bao tay cao su, 2 cái khăn lau bàn, 1 bịch giấy lau tay, 1 chai javel, 1 chai xà phòng rửa tay, 1 chai nước rửa tay nhanh để vệ sinh khử khuẩn mỗi ngày.

Trang bị cho mỗi lớp 1 bình nước lọc, mỗi giáo viên và học sinh tự trang bị một bình nước riêng biệt không sử dụng chung.

Nhà trường đã bố trí đủ các vòi rửa tay theo quy định 30 học sinh/vòi và lắp thêm hệ thống rửa tay tại các lớp để học sinh rửa tay trước khi vào lớp. Xây dựng quy trình xếp hàng dưới sân nhằm đảm bảo 100% học sinh được rửa tay trước khi vào lớp.

5. Tiêu chí thành phần 5 (TP 5): Học sinh, giáo viên, cán bộ, nhân viên đeo khẩu trang trong trường

Trước khi trở lại trường học nhà trường thông báo cho tất cả Cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh và học sinh đeo khẩu trang trước khi vào trường học. Chuẩn bị thêm một số khẩu trang để cho những giáo viên, nhân viên, học sinh quên khẩu trang.

6. Tiêu chí thành phần 6 (TP 6): Học sinh, giáo viên, cán bộ, nhân viên được kiểm tra nhiệt độ khi vào trường hoặc lớp học

Ban giám hiệu phân công bộ phận y tế phối hợp với chi đoàn lập ra 2 phương án hỗ trợ kiểm tra đo thân nhiệt Cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh và học sinh khi vào trường lớp học.

***Phương án 1: học sinh đi học toàn trường**

Ngày trực	Sáng (6h – 6h50)	Chiều (12h – 12h45)
Thứ 2 (4/5/2020)	1/T Tươi 2/ T T Lan 3/ T Long 4/ T Kiên 5/ Cô Đoàn Dung (hỗ trợ công tác y tế)	1/ Cô Duyên 2/ Cô Phạm Thảo 3/ Cô Ngọc Tuyền 4/ Cô Huyền 5/ Cô Kiêm

	6/ Cô Kiệm	
Thứ 3 (5/5/2020)	1/T Tươi 2/ T T Lan 3/ T Long 4/ T Bình 5/ Cô Đoàn Dung (hỗ trợ công tác y tế) 6/ Cô Kiệm	1/ Cô Diệp 2/ Cô Trinh 3/ Cô Hiếu 4/ Cô Diễm 5/ Cô Kiệm
Thứ 4 (6/5/2020)	1/T Trung 2/ T Bình 3/ T Long 4/ T Tài 5/ Cô Đoàn Dung (hỗ trợ công tác y tế) 6/ Cô Kiệm	1/ Cô P Hằng 2/ Cô TÂM 3/ Cô Thảo AV 4/ Cô Thùy Dung 5/ Cô Kiệm
Thứ 5 (7/5/2020)	1/T Tươi 2/ T T Lan 3/ T Trung 4/ T Kiên 5/ Cô Đoàn Dung (hỗ trợ công tác y tế) 6/ Cô Kiệm	1/ Cô Duyên 2/ Cô Phạm Thảo 3/ Cô Ngọc Tuyền 4/ Cô Huyền 5/ Cô Kiệm
Thứ 6 (8/5/2020)	1/T Trung 2/ T T Lan 3/ T Long 4/ T Tài 5/ Cô Đoàn Dung (hỗ trợ công tác y tế) 6/ Cô Kiệm	1/ Cô Thảo CD 2/ Cô Huy Lanh 3/ Cô Hảo 4/ Cô Loan 5/ Cô Kiệm

***Phương án 2: học sinh đi học 1 buổi**

Ngày trực	Sáng (6h – 6h50)	Chiều (12h – 12h45)
Thứ 2 (4/5/2020)	1/T Thái Lan 2/ C Huyền 3/ C Kiệm	1/ Cô Thảo Sinh 2/ Cô Nhung 3/ Cô Kiệm
Thứ 3 (5/5/2020)	1/T Long 2/ C Hằng AV 3/ C Kiệm	1/T Long 2/ C Tâm 3/ C Kiệm
Thứ 4 (6/5/2020)	1/T Kiên 2/ C Đ Dung 3/ C Kiệm	1/ Cô Thảo Sinh 2/ Cô Hằng sử 3/ Cô Kiệm
Thứ 5 (7/5/2020)	1/T Thảo Lý 2/ C Tâm 3/ C Kiệm	1/ Cô Thoa 2/ T T Lan 3/ Cô Kiệm
Thứ 6 (8/5/2020)	1/C Hằng sử 2/ C Thu Thảo 3/ C Kiệm	1/ Cô Huyền 2/ T Long 3/ Cô Kiệm

7. Tiêu chí thành phần 7 (TP 7): Học sinh đi học bằng xe đưa rước

Hợp với bên nhà xe về 10 tiêu chí an toàn với hoạt động giao thông vận tải và thực hiện đúng các yêu cầu đảm bảo an toàn phòng chống dịch bệnh cho học sinh khi đi xe đưa rước học sinh.p

Tăng lượt học sinh chạy xe để giảm khoảng cách theo quy định.

8. Tiêu chí thành phần 8 (TP 8): Tổ chức hoạt động bán trú, căn tin

Không tổ chức căn tin, bán trú.

9. Tiêu chí thành phần 9 (TP 9): Phòng cách ly

Nhà trường đã trang bị phòng cách ly đủ các yêu cầu sau:

Phòng cách ly riêng biệt, hạn chế tối đa những người không phận sự vào phòng cách ly.

Đảm bảo vệ sinh sạch sẽ, thông thoáng chỉ dùng quạt không dùng điều hòa.

Bố trí đầy đủ nước rửa tay nhanh, khẩu trang thùng đựng chất thải có nắp đậy.

10. Tiêu chí thành phần 10 (TP 10): Trường học có học sinh nội trú

Trường không có học sinh nội trú.

Trên đây là Phương án thực hiện Bộ Tiêu chí đánh giá an toàn trong phòng, chống dịch COVID-19 và công tác đảm bảo an toàn, chuẩn bị cho học sinh đi học lại của Trường trung học sơ sở Hiệp Phước, tất cả giáo viên, nhân viên, học sinh thực hiện nghiêm túc phương án trên./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (để báo cáo);
- PHT, GV, NV (để thực hiện);
- Lưu: VT, hồ sơ YT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hoàng Dung